TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29- 02 - 2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Ánh Hoa

Ông Nguyễn Hoàng Dân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – Là thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 644/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Bé Ch, Sinh năm: 1997. Địa chỉ cư trú: Nhà không số, đường Q, khóm V, phường K, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn*: Anh Cao Văn Th, Sinh năm: 1991. Địa chỉ cư trú: Nhà không số, đường Q, khóm V, phường K, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị Bé Ch trình bày tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

- Hôn nhân: Chị và anh Cao Văn Th tự nguyện chung sống vào năm 2014, đến năm 2016 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2016 ngày 21/3/2016. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vả với nhau, vợ chồng đã sống ly thân với nhau cách nay hơn 01 năm. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Th.

- Con chung: Chị và anh Th có 02 người con chung tên Cao Nhã Kh, sinh ngày 09/12/2015 và Cao Nhã K, sinh ngày 12/01/2021, đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cả 02 người con chung. Không yêu cầu xem xét, giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng.

- Tài sản chung: Chị xác định không có.

- Nợ chung: Chị xác định vợ chồng không nợ ai, không ai nợ lại anh chị.

Anh Cao Văn Th trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Anh và chị Ch kết hôn năm 2016. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, đã ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Bé Ch.

- Con chung: Anh và chị Ch có 02 người con chung tên Cao Nhã Kh, sinh ngày 09/12/2015 và Cao Nhã K, sinh ngày 12/01/2021, đang sống cùng chị Ch. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cả 02 người con chung cho chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng. Không yêu cầu xem xét, giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng.

- Tài sản chung: Anh xác định không có.

- Nợ chung: Anh xác định vợ chồng không nợ ai, không ai nợ lại anh chị.

Anh Th xin vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là về việc Ly hôn.

Bị đơn anh Cao Văn Th có đơn xin vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với anh Th.

[2] Hôn nhân: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé Ch yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Cao Văn Th. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy, chị Ch và anh Th chung sống hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị Ch và anh Th đều cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hôn nhân không hạnh phúc. Tại phiên tòa, chị Ch kiên quyết yêu cầu ly hôn. Xét thấy, chị Ch và anh Th xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, thực tế anh, chị đã sống ly thân với nhau, tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Ch về việc ly hôn với anh Th.

[3] Con chung: Chị Ch và anh Th có 02 người con chung tên Cao Nhã Kh, sinh ngày 09/12/2015 và Cao Nhã K, sinh ngày 12/01/2021, đang sống cùng chị Ch. Khi ly hôn, chị Ch và anh Th thống nhất giao cả 02 người con chung cho chị Ch trực tiếp. Xét thấy, hiện nay cháu Kh và cháu K đang sống ổn định cùng chị Ch, phù hợp với nguyện vọng của cháu Kh tại biên bản ghi ý kiến con chung là được sống cùng mẹ và đây cũng là sự tự nguyện của các đương sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Ch, giao cháu Kh và cháu K cho chị Ch tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Các đương sự không đặt ra yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết là có căn cứ.

[4] Tài sản chung: Chị Ch và anh Th xác định không có, nên không xem xét, giải quyết.

[5] Nợ chung: Chị Ch và anh Th xác định anh, chị không có nợ chung. Không ai yêu cầu về nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé Ch về việc yêu cầu ly hôn với anh Cao Văn Th.

Con chung: Giao Cao Nhã Kh, sinh ngày 09/12/2015 và Cao Nhã K, sinh ngày 12/01/2021 cho chị Ch tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Không xem xét, giải quyết.

Tài sản chung; Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị Bé Ch phải nộp 300.000 đồng. Ngày 07/11/2023, chị Ch đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0007560, được đối trừ, chuyển thu, nộp Ngân sách Nhà nước.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND phường 5, thành phố Cà Mau;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hân